

Số: 31/2019/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 16/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh Nguyễn Hải N**, sinh năm 1973; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: P tập thể K, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- **Chị Nguyễn Chung T**, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: P tập thể K, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Hải N và chị Nguyễn Chung T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 02 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay anh N và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, nên anh N, chị T cùng đề nghị được Tòa án giải quyết ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Hải N và chị Nguyễn Chung T có hai con chung là cháu Nguyễn Nam A, sinh ngày 20/6/2004 và cháu Nguyễn Nam K, sinh ngày 03/3/2007. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nam A và cháu Nguyễn Nam K và chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: anh N và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh N và chị T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: anh N tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hải N và chị Nguyễn Chung T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hải N và chị Nguyễn Chung T có hai con chung là cháu Nguyễn Nam A, sinh ngày 20/6/2004 và cháu Nguyễn Nam K, sinh ngày 03/3/2007. Ly hôn, giao cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nam A và cháu Nguyễn Nam K và chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 01/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của pháp luật thay thế.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: anh N và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh N, chị T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh N tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008166 ngày 07 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My